

KINH TẾ MIỀN BẮC LÀO VÀ KHẢ NĂNG HỢP TÁC VỚI KHU VỰC TÂY BẮC VIỆT NAM

TRƯƠNG DUY HÒA*

Miền Bắc nước Lào là khu vực địa lý có diện tích tự nhiên khá rộng⁽¹⁾ và có nhiều tiềm năng to lớn để phát triển kinh tế, trong đó đáng kể nhất là tài nguyên thiên nhiên và tài nguyên du lịch sinh thái, văn hóa và lịch sử. Tuy nhiên, do những hạn chế về địa hình và chế độ thủy văn⁽²⁾, mạng lưới giao thông vận tải chưa phát triển, xa các trung tâm kinh tế lớn, lại giáp các vùng nghèo hơn của các nước láng giềng như Tây Bắc (Việt Nam), Đông Bắc (Thái Lan) và Vân Nam (Trung Quốc), việc giao lưu kinh tế với bên ngoài còn hạn chế, nên miền Bắc Lào hiện nay vẫn là vùng chậm phát triển hơn của nước Lào.

Trong bài viết này, chúng tôi xin đề cập đến một số tiềm năng cơ bản và tình hình phát triển kinh tế miền Bắc Lào những năm qua, đồng thời chỉ ra một số hướng và lĩnh vực mà khu vực Tây Bắc Việt Nam có thể hợp tác với miền Bắc Lào nhằm phát triển kinh tế - xã hội của hai khu vực có vị trí chiến lược khá quan trọng đối với cả hai nước.

1. Tiềm năng miền Bắc Lào

- *Tài nguyên thiên nhiên* là tiềm năng lớn nhất của miền Bắc Lào, trong đó các loại tài nguyên có giá trị nhất vẫn là đất đai, sông nước, rừng (với nhiều loại gỗ và các loại lâm thổ sản quý hiếm khác), khoáng sản, v.v...

+ *Tài nguyên đất*: Miền Bắc Lào có diện tích đất 12.291.000 ha, trong đó đất nông nghiệp đang sử dụng khoảng 184.989 ha, chiếm tỉ trọng rất nhỏ (1,5%) so với diện tích tự nhiên. Đất lâm nghiệp đang sử dụng khoảng 4.666.471 ha, chiếm 38%. Diện tích đất chưa được sử dụng vào các mục đích kinh tế khoảng 7.439.540 ha, chiếm 60,5%; trong đó, khoảng 20% có khả năng sản xuất nông nghiệp, 60% có khả năng sản xuất lâm nghiệp, còn lại 20% là diện tích có thể dùng cho các mục đích xây dựng, công nghiệp và các mục đích khác. Đất có khả năng sản xuất nông nghiệp ở miền Bắc Lào rất thích hợp với nhiều loại cây trồng như: ngô, đậu tương, cao lương, rau quả, v.v... phục vụ cho tiêu dùng trong

* TS. Trương Duy Hòa, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á

nước và có thể dùng để chế biến, xuất khẩu.

+ *Tài nguyên nước*: Miền Bắc Lào có nhiều con sông tuy không lớn nhưng có nhiều tiềm năng có thể khai thác làm thủy điện, tưới tiêu và nuôi trồng thủy sản, như sông Nậm-u chảy từ tỉnh Phong-sa-lỳ tới tỉnh Luông-phạ-băng dài 448 km; sông Nậm-ngừm chảy từ tỉnh Xiêng-khoảng tới tỉnh Viêng Chăn (354 km); sông Nậm-thà chảy từ tỉnh Luông-nậm-thà tới tỉnh Bô-kẹo (325 km); sông Nậm-beng ở tỉnh U-đôm-xay (215 km) và sông Nậm-khan chảy từ tỉnh Hủa-phăn tới tỉnh Luông-phạ-băng (90 km)⁽³⁾. Nhìn chung, nguồn nước mặt và nước ngầm ở miền Bắc Lào tương đối dồi dào. Tiềm năng thủy điện của toàn vùng Bắc Lào được đánh giá khá cao với khoảng 10 địa điểm có khả năng xây dựng các nhà máy thủy điện với tổng công suất khoảng 2.542 MW, chiếm khoảng 11% tiềm năng thủy điện của cả nước (khoảng 23.000 MW). Hiện nay đã có nhiều công trình thủy điện quan trọng như Nậm Ngừm 3, Xiêng Ngân, Nậm Xiêng, v.v... đã được xây dựng và đang vận hành phục vụ đắc lực cho công cuộc phát triển của địa phương.

+ *Tài nguyên rừng*: Miền Bắc Lào là vùng còn diện tích rừng lớn nhất toàn quốc. Tuy nhiên, do khai thác gỗ bừa bãi trong nhiều năm và tập quán đốt rừng làm nương rẫy của một số bản ở vùng cao nên tài nguyên rừng ở khu vực Bắc Lào đã bị tàn phá nặng nề. Đến nay, diện tích đất lâm nghiệp còn rừng có gỗ chỉ còn khoảng trên 1 triệu ha, trong đó loại rừng có sản lượng gỗ khai thác với tốc độ khoảng 100-

150 m³/ha/năm chỉ còn lại chưa đến 30%. Những loại gỗ quý, có giá trị cao như nhóm gỗ họ dầu, nhóm họ thiết mộc (đinh, lim, sến, táu...) và các loài động vật quý hiếm (voi, hổ, gấu...) chỉ còn lại với tỷ lệ khá thấp.

+ *Tài nguyên khoáng sản*: Miền Bắc Lào tương đối giàu có về khoáng sản. Theo kết quả điều tra sơ bộ, hiện nay toàn vùng có tới trên 160 mỏ và điểm quặng phân bố trên khắp các tỉnh trong vùng. Các khoáng sản có trữ lượng khá lớn ở Bắc Lào gồm có: than đá, sắt, đồng, kẽm, than nâu, thạch cao, muối mỏ, măng gan, thiếc, vàng, đá quý, antimon, v.v... Đây là cơ sở cho việc phát triển các ngành công nghiệp khai khoáng phục vụ cho chế tác và xuất khẩu nếu có điều kiện đầu tư khảo sát, thăm dò và khai thác.

- *Tài nguyên du lịch sinh thái, văn hóa và lịch sử*: gồm các danh lam thắng cảnh (hang động, thác nước đẹp...), cố đô Luông-phạ-băng, Cảnh Đồng Chum, các khu rừng nguyên sinh, khu bảo tồn thiên nhiên, các điểm du lịch văn hoá, các lễ hội truyền thống của các bộ tộc Lào, v.v... là những nguồn lực quan trọng góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế của toàn vùng Bắc Lào. Với tiềm năng to lớn về du lịch cảnh quan-sinh thái và lịch sử-văn hoá, cùng với hệ thống giao thông đường bộ, đường hàng không ngày càng phát triển, miền Bắc Lào có khả năng hội nhập và kết nối với du lịch các quốc gia khác trong Tiểu vùng Mê Kông như Thái Lan, Mianma, Trung Quốc, Việt Nam và Campuchia.

2. Tình hình phát triển kinh tế miền Bắc Lào những năm qua

- *Tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế:* Trong những năm qua, miền Bắc Lào phải đương đầu với nhiều khó khăn, thách thức mà trước hết là do hậu quả của cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ châu Á (1997 - 1998), cộng với thiên tai, dịch bệnh và tình hình trật tự, an ninh phức tạp tại một số vùng giáp biên. Thêm vào đó, nội lực của toàn vùng chưa đủ mạnh do cơ sở hạ tầng yếu kém, tỷ lệ tích lũy thấp, thị trường hàng hoá sơ khai, sản xuất hàng hoá chưa hình thành, chất lượng sản phẩm thấp, khả năng cạnh tranh yếu...; nên tình hình kinh tế - xã hội chưa có chuyển biến mạnh mẽ. Trong điều kiện khó khăn như vậy, các tỉnh miền Bắc Lào đã xác định nhiệm vụ cơ bản là tập trung mọi nguồn lực để giải quyết vấn đề lương thực trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất nông - lâm nghiệp, tăng cường khả năng công nghiệp và dịch vụ. Trong giai đoạn 5 năm 2001 - 2005, tốc độ tăng trưởng GDP bình quân của toàn miền Bắc Lào đạt khoảng 5%/năm, bằng 82% so với tốc độ tăng trưởng bình quân 6,2% của cả nước⁽⁴⁾; trong đó các ngành công nghiệp và xây dựng tăng khá hơn, đạt trung bình 10%/năm. Năm 2005, GDP toàn vùng Bắc Lào đạt khoảng 8.767 tỷ kip theo giá hiện hành; trong đó tỷ trọng các ngành nông-lâm nghiệp chiếm 52,4%, công nghiệp 29,1% và dịch vụ 18,5% GDP.

So với toàn quốc, quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế miền Bắc Lào theo hướng tăng dần tỷ trọng các ngành công nghiệp và dịch vụ diễn ra chậm hơn đáng

kể. Kinh tế nông-lâm nghiệp vẫn giữ vai trò chủ đạo và chi phối mạnh nền kinh tế chung của toàn vùng. Hình thức tổ chức sản xuất ở quy mô hộ gia đình và các trang trại quy mô nhỏ vẫn chiếm ưu thế. Trong lĩnh vực công nghiệp, tuy lực lượng quốc doanh có phát triển, nhưng chưa có khả năng chi phối mạnh đối với nền kinh tế. Trong lĩnh vực dịch vụ, đặc biệt là dịch vụ du lịch và thương mại, các doanh nghiệp tư nhân vẫn đóng vai trò chủ chốt. Tuy nhiên, do quy mô quá nhỏ bé, các doanh nghiệp chưa đủ sức vươn lên, năng lực quản lý kinh doanh và chất lượng dịch vụ còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu phát triển ngày càng cao của thị trường.

Trong 5 năm qua, Chính phủ Lào đã cố gắng tập trung đầu tư để phát triển các vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn trong nội bộ miền Bắc Lào. Tuy nhiên, do hạn chế về điều kiện tự nhiên, xã hội, cơ sở hạ tầng và các yếu tố khác như môi trường đầu tư, phong tục, tập quán của cư dân từng vùng, nên việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu đầu tư theo kế hoạch đề ra vẫn chưa đạt hiệu quả mong muốn.

Cơ cấu kinh tế theo vùng lãnh thổ ở miền Bắc Lào được điều chỉnh theo hướng phát triển có trọng điểm, nhằm tạo gia tăng lớn về GDP và tạo những tác động tích cực, hỗ trợ tăng trưởng cho các vùng chậm phát triển hơn. Tuy nhiên, các vùng phát triển khá hơn (chủ yếu là các dải đồng bằng, khu vực đô thị và các tỉnh lỵ) do thu hút được nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài để phát triển sản xuất, nên có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao hơn, đời sống

nhân dân được cải thiện khá hơn so với những vùng sâu, vùng xa.

Vùng chậm phát triển (chủ yếu là các vùng núi cao, vùng sâu, vùng biên giới) do nguồn lực hạn hẹp, cơ sở hạ tầng chưa phát triển, khó thu hút đầu tư từ bên ngoài, nên tăng trưởng kinh tế thấp, đời sống cư dân còn khó khăn. Mức chênh lệch trong phát triển giữa các khu vực phát triển và chậm phát triển trong nội bộ vùng Bắc Lào cũng đang có chiều hướng doãng rộng hơn. Tính riêng năm 2005, các tỉnh nghèo của miền Bắc Lào như tỉnh Hủa-phăn và Phông-sa-lỳ chỉ đạt mức tăng trưởng GDP bình quân đầu người tương ứng là 230 USD và 283 USD, còn nếu tính GDP bình quân đầu người của hai tỉnh này trong cả giai đoạn 2001 - 2005 thì mới chỉ đạt tương ứng khoảng 160 USD và 200 USD/năm⁽⁵⁾. Nếu xét mức độ chênh lệch về thu nhập của cư dân các bản nghèo vùng núi cao biên giới và các bản thuộc vùng đồng bằng và khu đô thị thì độ chênh lệch này có thể lên tới 5 - 7 lần.

- Tình hình đầu tư và thương mại:
Tổng đầu tư toàn xã hội của miền Bắc Lào trong thời gian 5 năm (2001-2005) đạt khoảng 8.859 tỷ kíp, tức bằng 29% tổng đầu tư toàn quốc và bằng khoảng 26,8% GDP cả nước; trong đó nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước đạt khoảng 1.044,2 tỷ kíp, còn lại là nguồn vốn nước ngoài. Nguồn vốn đầu tư từ các nhà đầu tư tư nhân trong nước còn rất hạn chế, chỉ chiếm khoảng 3,2% GDP toàn vùng.

Nguồn vốn đầu tư công cộng của vùng Bắc Lào tập trung chủ yếu cho phát triển

giao thông, các ngành nông-lâm-ngư nghiệp và phát triển nông thôn với tỷ lệ tương ứng là 32%, 16,8% và 16,7% tức là khoảng 65,5% tổng vốn đầu tư. Vốn đầu tư công cộng dành cho các ngành dịch vụ và xã hội chiếm 34,5% tổng vốn. Nguồn vốn đầu tư nước ngoài tập trung vào việc phát triển giao thông và xây dựng các cơ sở công nghiệp chế biến chiếm 49,4% tổng nguồn vốn nước ngoài.

Ở khu vực Bắc Lào, ngoài tỉnh Xay-nha-bu-ly và Luông-nậm-thà đã cân đối được thu chi và đẩy mạnh đầu tư tạo tăng trưởng với mức huy động ngân sách trên 18% GDP, các tỉnh khác mới đạt mức thu ngân sách từ 7 - 10% GDP và chưa thoát khỏi tình trạng thâm hụt ngân sách ở các mức độ khác nhau (khoảng 30 - 60%). Tình trạng mất cân đối thu - chi của các địa phương ở miền Bắc Lào chủ yếu do tỷ lệ tích lũy đầu tư còn thấp, trong khi đó, chi cho hành chính sự nghiệp, phát triển giáo dục, y tế, bảo vệ an ninh, quốc phòng, phát triển kinh tế, v.v... lại rất lớn so với khả năng ngân sách huy động được.

Mặc dù có điều kiện khá thuận lợi về vị trí địa lý vì tiếp giáp với 4 nước láng giềng, các hoạt động kinh tế đối ngoại của vùng Bắc Lào vẫn chỉ giới hạn ở các hoạt động thương mại, du lịch quy mô nhỏ của tư nhân trong nước. Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) chiếm vị trí quan trọng trong đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, văn hóa-xã hội. Tuy nhiên, nguồn vốn này phụ thuộc vào chính sách điều tiết ODA của Chính phủ, đặc biệt là các nguồn vốn đầu tư phát triển giao thông và cơ sở hạ tầng các khu vực cửa khẩu. Đầu tư trực tiếp

nước ngoài mới chỉ tập trung chủ yếu vào các hoạt động du lịch và một số cơ sở chế biến nông-lâm-thổ sản với số lượng còn rất khiêm tốn.

Về thương mại: Những năm qua, chính sách và biện pháp thúc đẩy thương mại của Lào nói chung và áp dụng cho khu vực Bắc Lào nói riêng nhìn chung đều dựa trên cơ sở các chủ trương lớn của nhà nước Lào như: (1) chú trọng cán cân thương mại (có xuất mới nhập); (2) thực hiện thương mại đa phương bằng cách tăng cường buôn bán với các thị trường cũ và thúc đẩy tìm kiếm thị trường mới; (3) phát triển đa dạng hình thức buôn bán với các nước láng giềng, tăng cường trao đổi hàng hóa dọc biên giới, cửa khẩu; (4) thúc đẩy đầu tư vào sản xuất hàng hóa để xuất khẩu.

Trao đổi thương mại của khu vực Bắc Lào dù theo đuổi theo chủ trương đa dạng hóa và đa phương hóa của Chính phủ Lào nhưng nhìn chung vẫn chưa có sự thay đổi lớn về cơ cấu thị trường và giá trị xuất khẩu. Thái Lan, Trung Quốc, Việt Nam, Mianma là những đối tác thương mại chủ yếu của khu vực Bắc Lào; trong đó Thái Lan và Trung Quốc vẫn là đối tác buôn bán chính của Lào do chính sách thương mại của hai nước này đối với Lào rõ ràng hơn và điều kiện giao lưu, qua lại tương đối thuận tiện hơn. Chẳng hạn, từ cuối năm 2003 đến nay, Thái Lan ưu tiên mức thuế 0% đối với 8 mặt hàng nông lâm sản của Lào gồm: đậu tương, ngô non, ngô, đu đủ, lạc, hạt điều, khoai tây, gỗ bạch đàn. Thái Lan cũng ưu tiên mức thuế 0% - 5% cho 300 mặt hàng khác của Lào trong

danh mục ưu đãi thuế quan của các nước ASEAN-6 dành riêng cho các thành viên ASEAN-4. Ngoài ra, trong Hội nghị tổng kết hoạt động của hai Phân ban Hợp tác Lào - Thái Lan lần thứ 13 họp tại Luông-pha-băng ngày 23/12/2004 do hai Bộ trưởng Ngoại giao hai nước đồng chủ trì, Thái Lan đã quyết định giành ưu tiên đặc biệt về thuế nhập khẩu thêm cho 187 mặt hàng nông lâm sản của Lào nhập khẩu vào Thái Lan (ngoài danh mục ưu tiên chung trong khuôn khổ ASEAN)⁽⁶⁾.

Do có ưu đãi về thương mại nên năm 2005 một số nhà đầu tư Thái Lan đã sang Lào khảo sát nhằm lập dự án đầu tư sản xuất một số nông sản tại Lào rồi xuất khẩu trở lại thị trường Thái Lan, như: lập trang trại trồng khoai tây tại tỉnh Chăm-pa-xắc, trồng mía tại Sa-va-na-khet và đầu tư vào một số dự án nông nghiệp quan trọng tại miền Bắc Lào ở các tỉnh U-đôm-xay, Xay-nha-bu-li và Luông-pha-băng⁽⁷⁾.

Còn đối với Trung Quốc, từ năm 2002, Chính phủ Trung Quốc đã ban hành danh mục 220 mặt hàng của Lào được hưởng ưu đãi thuế quan khi xuất khẩu sang Trung Quốc và hiện nay số mặt hàng của Lào được Trung Quốc ưu đãi thuế quan đã lên tới 329 mặt hàng, chủ yếu là nguyên liệu, hàng nông lâm sản và gia súc, trong đó 220 mặt hàng được miễn thuế quan hoàn toàn⁽⁸⁾. Tuy nhiên, năng lực xuất khẩu sang Trung Quốc của Lào (chủ yếu là các tỉnh phía Bắc Lào) đang sụt giảm cả về giá trị và tỷ lệ và chỉ chiếm khoảng 2% trong cơ cấu xuất khẩu hàng hóa ra nước ngoài (so với 12% trong cơ cấu nhập khẩu hàng hóa từ nước ngoài) của Lào trong

những năm gần đây.

Việc xuất khẩu sang Việt Nam cũng chỉ chiếm khoảng 9% cơ cấu xuất khẩu của Lào (so với 11% của cơ cấu nhập khẩu) trong những năm gần đây và hiện đang gặp khó khăn về nhiều vấn đề đòi hỏi phải tìm cách tháo gỡ, nhất là từ khi Lào áp dụng chính sách cấm xuất khẩu gỗ tròn và gỗ chưa qua chế biến, mặc dù hai nước đã ký kết văn bản giảm 50% thuế nhập khẩu đối với các hàng hóa có xuất xứ từ Lào và Việt Nam. Ngoài ra, các sản phẩm mũi nhọn của Lào xuất khẩu sang Việt Nam vẫn chủ yếu là gỗ, các nguyên liệu thô, khoáng sản, hàng nông lâm sản và gia súc, và chủ yếu vẫn thông qua các cửa khẩu thuộc khu vực miền Trung Lào. Điều này chứng tỏ năng lực sản xuất hàng hóa xuất khẩu của Lào nói chung và khu vực Bắc Lào nói riêng còn nhiều hạn chế đòi hỏi cần có sự đầu tư và hợp tác tích cực từ các đối tác tiềm năng của cả hai phía nhằm nâng cao năng lực xuất khẩu hàng chính ngạch, đồng thời hạn chế các hàng hóa thâm lậu qua các đường tiểu ngạch.

3. Khả năng hợp tác kinh tế với khu vực Tây Bắc Việt Nam

Vùng Tây Bắc Việt Nam có các tỉnh Lai Châu, Điện Biên, Sơn La tiếp giáp với các tỉnh Phong-sa-lỳ, Luông-phạ-băng, Xiêng-khoảng và Hủa-phăn thuộc khu vực Bắc Lào. Cả 3 tỉnh phía Việt Nam và 4 tỉnh phía Lào đều là các tỉnh nghèo của cả hai bên, nên việc triển khai hợp tác đều không dễ dàng. Tuy nhiên, như đã nói ở trên, khu vực Bắc Lào nói chung và 4 tỉnh thuộc Bắc Lào tiếp giáp với Việt Nam nói

riêng rất giàu tiềm năng hợp tác. Vì vậy, nếu cả hai bên đều quyết tâm và có kế hoạch hợp tác cụ thể nhằm tận dụng các thế mạnh của hai bên thì việc hợp tác trong các lĩnh vực then chốt của cả hai phía sẽ mang lại nhiều lợi ích to lớn.

3.1. Hợp tác về nông - lâm nghiệp: Nhờ có điều kiện thuận lợi về đất đai, khí hậu, sản xuất nông nghiệp vùng Bắc Lào phát triển khá mạnh với nhiều loại cây trồng có giá trị như: lúa, ngô, đậu tương, vừng, bông, mía, cao su, chè, dâu tằm, v.v... và các loại gia súc như lợn, trâu, bò, v.v... Năm 2005 diện tích trồng lúa vùng Bắc Lào khoảng 196.642 ha, sản lượng cả năm là 522.522 tấn, chiếm 22% tổng sản lượng lúa toàn quốc. Tuy nhiên, so với các vùng Trung và Nam Lào, năng suất lúa vùng Bắc Lào thuộc loại thấp nhất, chỉ đạt trung bình 2,66 tấn/ha, bằng 85% năng suất trung bình toàn quốc. Sản lượng thóc bình quân đầu người cũng chỉ đạt 242 kg/năm, bằng 1/2 so với trung bình toàn quốc.

Trong số các loại cây lương thực, ngô là cây chủ lực của vùng Bắc Lào nhờ năng suất cao nhất toàn quốc, bằng 2,98 tấn/ha (trung bình toàn quốc là 2,7 tấn/ha). Với diện tích 84.619 ha, chiếm 67% diện tích ngô toàn quốc, vùng Bắc Lào sản xuất trên 103 ngàn tấn ngô/năm, chiếm 72% tổng sản lượng ngô toàn quốc, đáp ứng đủ nhu cầu tiêu thụ nội vùng và còn xuất khẩu sang Thái Lan và Trung Quốc. Trong số các cây công nghiệp thì đậu tương, lạc và mía là các loại cây mà vùng Bắc Lào có ưu thế về năng suất. Cùng với ngô, các loại cây này hình thành tập đoàn

cây trồng chủ lực của vùng Bắc Lào. Sản phẩm cây công nghiệp của Bắc Lào đáp ứng tốt nhu cầu tiêu thụ trực tiếp cho nội vùng và cung cấp nguồn nguyên liệu quan trọng cho công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm, sản xuất dầu thực vật, v.v... để tiêu thụ trong nước và xuất khẩu sang các nước láng giềng.

Chăn nuôi cũng là thế mạnh của vùng Bắc Lào. Tính đến năm 2006, tổng đàn gia súc của vùng đã lên tới trên 1,5 triệu con, trong đó đàn lợn, dê, cừu đạt 842 ngàn con, chiếm 47% tổng đàn toàn quốc, tạo thế mạnh thứ hai về nông nghiệp cho vùng Bắc Lào. Chăn nuôi gia cầm quy mô hộ gia đình đã phát huy, đáng kể vai trò cung ứng nhu cầu thực phẩm tại chỗ và cung cấp cho thị trường các tỉnh Trung Lào.

Nếu được tổ chức tốt, trồng trọt, chăn nuôi và trồng rừng sẽ là một trong những thế mạnh, tạo ra giá trị gia tăng lớn cho hợp tác kinh tế giữa vùng Tây Bắc Việt Nam và khu vực Bắc Lào. Các tỉnh thuộc khu vực Tây Bắc Việt Nam cần nghiên cứu khả năng hợp tác về nông - lâm nghiệp với các tỉnh giáp biên phía Lào để phát huy tiềm năng to lớn về lĩnh vực này của cả hai bên.

3.2. Hợp tác về công nghiệp: Tính đến nay, vùng Bắc Lào có 9.557 cơ sở sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, chiếm 37,3 số cơ sở CN - TTCN toàn quốc. Trong đó chỉ có 4 cơ sở có quy mô lớn (sử dụng trên 100 lao động); 101 cơ sở quy mô vừa, còn lại là quy mô nhỏ (sử dụng dưới 10 lao động). Tốc độ tăng trưởng công nghiệp vùng Bắc Lào trong những năm qua đạt khoảng 10%/năm. Đến nay, giá trị

GDP công nghiệp tính theo giá hiện hành đạt khoảng 2.552 tỷ kíp, bằng 29,1% GDP của toàn vùng với các sản phẩm công nghiệp chủ yếu là điện, lương thực và thực phẩm chế biến, khoáng sản, bột giấy, xi măng, thép cán, vải dệt thủ công, v.v...

Việt Nam có thể hợp tác với các tỉnh Bắc Lào trong đầu tư thăm dò, khai thác các khoáng sản dưới lòng đất và xây dựng các cơ sở công nghiệp chế biến nông-lâm sản tại chỗ để xuất khẩu sang các nước láng giềng nhằm phát huy tiềm năng thiên nhiên giàu có của miền Bắc Lào.

3.3. Hợp tác về du lịch: Miền Bắc Lào có tiềm năng to lớn về du lịch với nhiều điểm du lịch sinh thái, văn hóa và lịch sử nổi tiếng, đặc biệt là trên địa bàn các tỉnh Luông-phạ-băng⁽⁹⁾ và Xiêng-khoảng (có Cảnh Đồng Chum, hang Thập-piu, khu vực suối nước nóng ở huyện Mường-khăm...), có thể phát triển mạnh ngành du lịch như một ngành kinh tế mũi nhọn của toàn vùng. Những năm gần đây, trung bình có khoảng 300 ngàn khách du lịch đến Luông-phạ-băng và khoảng trên 100 ngàn khách nước ngoài tham gia các tour du lịch xuyên quốc gia Việt Nam - Lào - Thái Lan, góp phần đưa doanh thu toàn ngành du lịch Lào đạt khoảng 100 triệu USD/năm hiện nay.

Với vị trí chiến lược trong quan hệ với các nước thuộc Tiểu vùng Mê Kông, vùng Bắc Lào có thể tận dụng tổng hợp các lợi thế so sánh để phát triển cố đô Luông-phạ-băng thành trung tâm du lịch quốc gia, đầu mối của những tuyến du lịch nội địa; đồng thời hoà nhập và kết nối phát triển du lịch với khu vực Tây Bắc Việt

Nam, Đông Bắc Thái Lan và miền Nam Trung Quốc bằng cả đường bộ và đường hàng không.

3.4. *Hợp tác về dịch vụ*: Những năm gần đây, Bắc Lào đã có bước dịch chuyển tích cực theo hướng phát huy lợi thế của vùng, trên cơ sở đẩy mạnh giao lưu kinh tế và hợp tác quốc tế với các nước láng giềng, nhất là các tỉnh giáp biên với Tây Bắc Việt Nam, Đông Bắc Thái Lan và tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) nhằm đáp ứng tốt hơn các nhu cầu ngày càng đa dạng về sản xuất, kinh doanh và phục vụ đời sống dân cư. Tuy nhiên, tăng trưởng dịch vụ của toàn vùng Bắc Lào trong những năm qua còn thấp, chỉ đạt khoảng 5,2%/năm, tức là bằng khoảng 77,6% so với mức tăng dịch vụ của toàn quốc. Tỷ trọng dịch vụ trong GDP vùng Bắc Lào đến nay (2005) mới đạt 18,3% (thấp nhất so với các vùng của Lào).

Hợp tác về dịch vụ (đặc biệt là các ngành dịch vụ truyền thống như: thương nghiệp, vận tải, bưu chính viễn thông, du lịch, khách sạn, nhà hàng, v.v...), với khu vực Tây Bắc Việt Nam do có sự gần gũi về địa lý, sự tương đồng về văn hóa và lợi ích kinh tế, cũng là thế mạnh của toàn vùng Bắc Lào nhằm mang lại lợi ích to lớn cho cả hai bên.

3.5. *Hợp tác xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông*: Trong những năm gần đây, Chính phủ Lào đã đặt trọng tâm đầu tư cho vùng Bắc Lào nhằm hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng, trong đó có các tuyến giao thông quan trọng, các công trình có ý nghĩa đầu mối liên quốc gia. Nhiều dự án giao thông với sự trợ giúp về vốn từ bên

ngoài đã được đồng thời triển khai, trong đó quan trọng nhất là dự án nâng cấp sân bay Luông-phạ-băng, thực hiện mở tuyến đường bay từ Luông-phạ-băng đến Băng Cốc và Chiềng Mai (Thái Lan), Xiêm Riệp (Cămpuchia), Côn Minh (Trung Quốc), Hà Nội (Việt Nam); dự án đường R3 do Trung Quốc đầu tư nối Trung Quốc với Đông Bắc Thái Lan qua Lào⁽¹⁰⁾; các dự án nâng cấp quốc lộ 13, 2, 5, đường Mường-khoa đi Tây Trang (Việt Nam), Bò-tên nối Bò-kẹo, Bò-kẹo nối Hủa-phăn; xây dựng cầu trên các tuyến quốc lộ; các dự án nâng cấp các tỉnh lộ, huyện lộ; các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn như thủy lợi, định canh định cư, hạ tầng các khu kinh tế cửa khẩu, đường tải điện lên các trung tâm huyện; các dự án cung cấp nước sạch và dịch tế, v.v...

Việc Chính phủ Lào chú trọng đầu tư nâng cấp, hoàn thiện đồng bộ hệ thống cơ sở hạ tầng trong những năm qua và hiện đang triển khai nhiều dự án quan trọng với sự viện trợ của các nước và các tổ chức quốc tế như Nhật Bản, Na-uy, ADB, OPEC, HABITAT, v.v... đang góp phần quan trọng làm đổi thay bộ mặt kinh tế của vùng Bắc Lào nói chung và các khu vực khó khăn của vùng nói riêng, tạo thêm cơ hội mới cho phát triển sản xuất, kinh doanh và giao lưu kinh tế giữa các khu vực trong vùng và giữa vùng Bắc Lào với các vùng khác của Lào và giữa vùng Bắc Lào với các tỉnh giáp biên của Việt Nam, Thái Lan và Vân Nam (Trung Quốc).

Để tận dụng cơ hội hợp tác khai thác tiềm năng phong phú của khu vực Bắc

Lào, Việt Nam cần chú trọng thu hút nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước nhằm xây dựng đường sá và kết nối giao thông thông suốt với các địa phương thuộc Bắc Lào để tăng cường quy mô trao đổi hàng hóa và dịch vụ, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân hai bên đi lại, giao lưu, tiếp xúc, buôn bán, du lịch, v.v...

3.6. Hợp tác trong các lĩnh vực xã hội: Miền Bắc Lào là vùng tương đối nghèo hơn so với địa bàn Trung và Nam Lào, tập trung nhiều điều kiện không thuận lợi đối với việc phát triển các ngành sản xuất có quy mô lớn. Trong khi đó, do điều kiện địa lý đặc thù, nên đây là vùng đặc biệt quan trọng trong hợp tác phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh, quốc phòng của Lào. Vì vậy, những năm gần đây, vùng Bắc Lào được sự quan tâm đặc biệt của Đảng và Chính phủ Lào, nhất là các lĩnh vực xã hội như y tế, giáo dục, thông tin liên lạc. Nhiều dự án với nguồn tài trợ của các tổ chức quốc tế đã phát huy tác dụng trong việc nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân các bộ tộc Lào. Thu nhập GDP bình quân đầu người của toàn vùng Bắc Lào đã tăng từ 278 USD năm 2000 lên 389 USD năm 2005, bằng 79,2% so với GDP bình quân đầu người toàn quốc (491 USD)⁽¹⁾. Tỷ lệ số bản có trường tiểu học đã đạt 30%, tỷ lệ người biết chữ đã tăng lên trên 70%, trong đó tỷ lệ đối với nữ giới là 55%. Khoảng 30% số người có bệnh đã được tiếp cận và sử dụng dịch vụ y tế có chuyên môn. Nhờ chính sách khuyến khích phát triển nông-lâm nghiệp của Chính phủ Lào, nên khoảng 85% hộ gia đình trong toàn vùng Bắc Lào đã chính thức có quyền sở hữu đất đai. Tuy

nhiên, lao động phi nông nghiệp vẫn còn chiếm tỷ lệ thấp, (khoảng dưới 15%) và là nguyên nhân của tình trạng thu nhập thấp, từ đó dễ dẫn tới nhiều hiện tượng tiêu cực. Mặc dù Chính phủ Lào đã triển khai nhiều dự án xoá đói, giảm nghèo, nhưng vẫn còn hơn 40% số hộ nghèo. Diện tích trồng cây thuốc phiện vẫn còn sót lại ở một số bản thuộc vùng núi cao, gây khó khăn trong việc quản lý và giữ gìn trật tự an ninh ở một số vùng biên giới.

Khu vực Tây Bắc Việt Nam có thể hợp tác với các tỉnh giáp biên của khu vực Bắc Lào nhằm tìm kiếm các dự án xoá đói, giảm nghèo do các tổ chức quốc tế tài trợ, tích cực trao đổi kinh nghiệm xoá nghèo trong khung khổ của các dự án đó. Đồng thời, hai bên có thể hợp tác chặt chẽ nhằm chống lại việc buôn bán ma tuý và phụ nữ qua biên giới. Đây là những lĩnh vực hợp tác đặc biệt quan trọng và có nhiều triển vọng nhằm tăng cường an ninh biên giới cho hai bên và tăng cường năng lực cho vùng Tây Bắc Việt Nam và khu vực Bắc Lào, tiến tới xoá bỏ chênh lệch và khoảng cách về phát triển đối với cả hai nước vì lợi ích chiến lược lâu dài của hai quốc gia và lợi ích của Tiểu vùng Mê Kông./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ủy ban Kế hoạch và Đầu tư CHDCND Lào, Trung tâm Thống kê quốc gia: "*Niên giám thống kê 2001*"; Viêng Chăn, 6/2002.
2. Ủy ban Kế hoạch và Đầu tư CHDCND Lào, Trung tâm Thống kê quốc gia: "*Niên giám thống kê 2002*"; Viêng Chăn, 6/2003.

3. Ủy ban Kế hoạch và Đầu tư CHDCND Lào, Trung tâm Thống kê quốc gia: "*Niên giám thống kê 2003*"; Viêng Chăn, 6/2004.
4. Ủy ban Kế hoạch và Đầu tư CHDCND Lào, Trung tâm Thống kê quốc gia: "*Niên giám thống kê 1975 - 2005*"; Viêng Chăn, 6/2005.
5. Ủy ban Kế hoạch và Đầu tư CHDCND Lào, Trung tâm Thống kê quốc gia: "*Niên giám thống kê 2005*"; Viêng Chăn, 6/2006.
6. The World Bank: "Lao PDR Economic Monitor", The World Bank Vientiane Office, Vientiane 2001, 2002, 2003, 2004, 2005.
7. "*Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 và Phương hướng kế hoạch 5 năm 2006 - 2010*" của các tỉnh miền Bắc Lào: Phong-sa-lỳ, Luông-nậm-thà, U-đôm-xay, Bò-keo, Luông-phạ-băng, Hủa-phăn, Xay-nhạ-bu-li và Xiêng-khoảng, tại Hội nghị về kế hoạch của các tỉnh Bắc Lào họp tại Luông-phạ-bang tháng 3/2005. (Bản tiếng Lào).
8. Văn kiện Đại hội toàn quốc lần thứ VIII Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, Nhà xuất bản quốc gia, 194 tr., Viêng Chăn, 2006. (Bản tiếng Lào).
9. Báo Pạ-xa-xôn (Nhân dân), Cơ quan ngôn luận của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, số ra các năm 2003, 2004, 2005, 2006.
10. nước là 24 người/km²).
2. Địa hình miền Bắc Lào có độ dốc lớn, sông ngòi có nhiều thác ghềnh thường gây ngập lụt vào mùa mưa và khô hạn vào mùa khô.
3. Theo cuốn Niên giám thống kê năm 2005, Trung tâm Thống kê Quốc gia thuộc Ủy ban Kế hoạch và Đầu tư CHDCND Lào, Viêng Chăn, 6/2006; tr. 4. (Bản tiếng Lào).
4. Xem thêm bài của tác giả Trương Duy Hòa: "Một số thành tựu trong 30 năm xây dựng và phát triển kinh tế ở nước CHDCND Lào (1975-2005)". Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 6/2006; tr. 3 - 15.
5. Theo "*Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 và Phương hướng kế hoạch 5 năm 2006-2010*" của các tỉnh Hủa-phăn và Phong-sa-lỳ trong Hội nghị Kế hoạch các tỉnh phía Bắc Lào tổ chức tại tỉnh Xiêng-khoảng tháng 3/2005 (Bản tiếng Lào).
6. Xem báo Pạ-xa-xôn (Nhân dân) Lào số ra ngày 24/12/2004, tr. 1.
7. Xem báo Vientiane Times, ngày 08/09/2005.
8. Xem bài của tác giả V. Trân: "*Lợi cả đôi đường: Trung Quốc đẩy mạnh nhập khẩu nông sản từ Lào*", báo "Đầu tư" số ra ngày 1/11/2006; tr. 14.
9. Riêng cố đô Luông-phạ-băng có 49 điểm du lịch sinh thái, 46 điểm du lịch văn hóa và 13 điểm du lịch lịch sử.
10. Xem thêm Trương Duy Hoà, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á đã dẫn trên đây, tr. 12 -13.
11. Theo báo Pạ-xa-xôn (Nhân dân) Lào, số ra ngày 10/10/2005, trong "*Báo cáo về tình hình tổ chức thực hiện kế hoạch tài khóa 2004 - 2005 và Phương hướng thực hiện kế hoạch 2005 - 2006*" của Thủ tướng Chính phủ Lào Bun-nhăng Vo-lạ-chít đọc tại phiên khai mạc kỳ họp thường kỳ lần thứ 8 Quốc hội Lào khóa V.

CHÚ THÍCH

1. Miền Bắc Lào hiện nay gồm 8 tỉnh phía bắc là: Phong-sa-lỳ, Luông-nậm-thà, U-đôm-xay, Bò-keo, Luông-phạ-băng, Hủa-phăn, Xay-nhạ-bu-li và Xiêng-khoảng; có diện tích tự nhiên 117.715 km²; dân số 2.015.365 người. So với cả nước, vùng Bắc Lào chiếm 49,7% về diện tích và 35,9% về dân số, với mật độ dân số khoảng 17 người/km² (so với mật độ bình quân cả